

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(đã được soát xét)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	06-38
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11-38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn được thành lập theo Quyết định số: 6205/QĐ-UB của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc chuyển đổi Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Vận tải biển Sài Gòn thành Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn. Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Công ty cổ phần số 0300424088, đăng ký lần đầu ngày 14/04/2006 và thay đổi lần thứ 13 vào ngày 22/10/2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 9 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Thiện	Chủ tịch	Bổ nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT ngày 05/01/2026; Trước đó ông Trần Thiện là Thành viên HĐQT
Bà Huỳnh Như Ý	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm chức danh Phó Chủ tịch HĐQT ngày 05/01/2026; Trước đó bà Huỳnh Như Ý là Thành viên HĐQT
Ông Phạm Văn Hường	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Long	Thành viên	
Bà Lê Thị Thanh Thuận	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05/01/2026

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Lê Thị Thanh Thuận	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc ngày 04/10/2025; Trước đó Bà Lê Thị Thanh Thuận giữ chức Phó Tổng Giám đốc.
Ông Nguyễn Ngọc Thiện	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 04/10/2025

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Đỗ Đức Tuấn	Trưởng ban	
Ông Đồng Đăng Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05/01/2026
Bà Nguyễn Vũ Anh Thư	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05/01/2026
Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 05/01/2026
Bà Dương Thị Kim Kiều	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 05/01/2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này là Ông Nguyễn Ngọc Thiện - Tổng Giám đốc Công ty (Miễn nhiệm ngày 04/10/2025) và Bà Lê Thị Thanh Thuận - Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 04/10/2025).

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC. Trong kỳ, Công ty có phát sinh việc chậm công bố thông tin báo cáo tài chính và đã thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định.



Lê Thị Thanh Thuận
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 04 năm 2026

Số: 150526.002/BCTC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn được lập ngày 06 tháng 04 năm 2026, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán. Kiểm toán viên đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ các vấn đề sau:

- Công ty ban hành Quyết định 197/QĐ-SSC về hệ số chuyên cần tháng 9/2024, nhưng sau khi chi trả, người lao động đã hoàn trả toàn bộ số tiền 81.517.642 đồng vào tài khoản Công ty. Do đó, chi phí nhân công giảm tương ứng và thuế thu nhập doanh nghiệp tăng thêm 16.303.528 đồng.
- Công ty đã sử dụng quỹ lương của các năm trước để chi trả lương cho các tháng đầu năm sau, dẫn đến chi phí thuế TNDN các năm 2021–2023 bị ghi nhận thiếu.
- Trong các năm 2022–2023, Công ty tạm trích và sử dụng Quỹ khen thưởng phúc lợi trước khi có phê duyệt của ĐHĐCĐ và HĐQT, chưa phù hợp quy định.
- Năm 2022, Công ty ghi nhận tài sản cố định từ dự án chưa nghiệm thu, chưa phù hợp quy định, dẫn đến chi phí khấu hao bị loại khi tính thuế TNDN.

Các vấn đề này không còn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 của Công ty

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 05 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025 (đã điều chỉnh)
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		285.898.532.704	267.332.630.695
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	34.580.004.984	43.709.416.532
111	1. Tiền		30.580.004.984	22.709.416.532
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.000.000.000	21.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	218.371.700.000	188.371.700.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		218.371.700.000	188.371.700.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		30.795.391.236	33.269.481.806
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	14.964.816.418	14.067.507.072
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.712.739.608	1.865.152.256
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	22.699.983.855	25.920.473.257
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(8.582.148.645)	(8.583.650.779)
140	IV. Hàng tồn kho	9	796.150.046	688.344.782
141	1. Hàng tồn kho		1.517.049.715	1.409.244.451
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(720.899.669)	(720.899.669)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.355.286.438	1.293.687.575
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	1.037.314.019	1.005.618.389
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		14.978.101	15.331.176
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	302.994.318	272.738.010
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		80.820.548.650	83.830.546.090
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.312.000.000	1.008.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	1.312.000.000	1.008.000.000
220	II. Tài sản cố định		59.626.724.949	62.287.550.692
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	20.703.793.210	22.911.560.087
222	- Nguyên giá		81.811.794.116	83.457.602.292
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(61.108.000.906)	(60.546.042.205)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	38.922.931.739	39.375.990.605
228	- Nguyên giá		52.134.631.442	52.134.631.442
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(13.211.699.703)	(12.758.640.837)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	2.987.522.054	3.084.863.042
231	- Nguyên giá		26.962.855.342	26.962.855.342
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(23.975.333.288)	(23.877.992.300)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	5.943.265.153	5.943.265.153
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		5.943.265.153	5.943.265.153
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		18.983.934.769	18.983.934.769
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(18.983.934.769)	(18.983.934.769)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		10.951.036.494	11.506.867.203
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	2.882.111.054	2.701.362.684
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		90.743.064	102.032.837
269	3. Lợi thế thương mại	15	7.978.182.376	8.703.471.682
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		366.719.081.354	351.163.176.785

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘTại ngày 30 tháng 06 năm 2025
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025 (đã điều chỉnh)
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		40.667.044.566	34.167.869.584
310	I. Nợ ngắn hạn		32.435.044.566	25.821.869.584
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	14.527.043.092	10.973.218.712
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		222.691.820	102.650.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	7.553.488.206	3.423.584.275
314	4. Phải trả người lao động		871.874.523	3.173.765.291
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	933.645.040	208.709.243
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	5.381.654.702	5.074.380.615
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	228.000.000	228.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.716.647.183	2.637.561.448
330	II. Nợ dài hạn		8.232.000.000	8.346.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	8.000.000.000	8.000.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	232.000.000	346.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		326.052.036.788	316.995.307.201
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	326.052.036.788	316.995.307.201
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		144.200.000.000	144.200.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		144.200.000.000	144.200.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		11.436.551.000	11.436.551.000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		1.202.905.000	1.202.905.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		159.952.623.383	151.251.371.016
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		151.435.628.833	124.514.035.585
421b	LNST chưa phân phối năm nay		8.516.994.550	26.737.335.431
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		9.259.957.405	8.904.480.185
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		366.719.081.354	351.163.176.785

Võ Thiện Hùng
Người lậpNguyễn Thị Thúy Loan
Phụ trách kế toánLê Thị Thanh Thuận
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 04 năm 2026

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
			VND	(đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	67.182.023.965	92.507.440.408
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		67.182.023.965	92.507.440.408
11	4. Giá vốn hàng bán	24	52.268.983.648	71.535.307.934
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		14.913.040.317	20.972.132.474
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	3.671.358.476	4.155.277.097
22	7. Chi phí tài chính	26	96.242.409	56.098.269
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		29.920.164	51.353.940
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng		-	-
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	5.870.134.889	5.875.183.935
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		12.618.021.495	19.196.127.367
31	12. Thu nhập khác	28	516.082.246	48.142.525
32	13. Chi phí khác	29	1.008.870.782	113.400.529
40	14. Lợi nhuận khác		(492.788.536)	(65.258.004)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		12.125.232.959	19.130.869.363
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	2.784.642.836	4.168.200.126
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		11.289.773	11.289.773
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		9.329.300.350	14.951.379.464
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		8.516.994.550	14.988.218.760
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		812.305.800	(36.839.296)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	591	1.039

Võ Thiện Hùng
Người lậpNguyễn Thị Thúy Loan
Phụ trách kế toánLê Thị Thanh Thuận
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 04 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2025	2024
			VND	(đã điều chỉnh) VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		12.125.232.959	19.130.869.363
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		3.547.428.100	2.862.752.753
03	- Các khoản dự phòng		(1.502.134)	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(2.894.949)	(1.950.411)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.985.917.203)	(3.958.494.714)
06	- Chi phí lãi vay		29.920.164	51.353.940
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		11.712.266.937	18.084.530.931
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		2.192.888.364	1.073.506.650
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(32.042.327)	207.755.868
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải		6.291.334.770	(7.339.102.171)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(212.444.000)	198.178.775
14	- Tiền lãi vay đã trả		(30.250.671)	(50.442.770)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.541.557.852)	(3.122.152.119)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(193.485.028)	(924.331.534)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		17.186.710.193	8.127.943.630
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(139.735.000)	(260.215.020)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		452.925.256	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(118.000.000.000)	(95.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		88.000.000.000	94.300.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.484.288.226	3.677.085.035
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(26.202.521.518)	2.716.870.015
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(114.000.000)	(206.400.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(114.000.000)	(206.400.000)

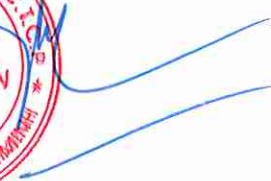
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024 (đã điều chỉnh)
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(9.129.811.325)	10.638.413.645
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		43.709.416.532	20.253.199.739
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		399.777	1.950.411
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>34.580.004.984</u>	<u>30.893.563.795</u>


Võ Thiện Hùng
Người lập

Nguyễn Thị Thúy Loan
Phụ trách kế toán

Lê Thị Thanh Thuận
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 04 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025***1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn được thành lập theo Quyết định số: 6205/QĐ-UB của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc chuyển đổi Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Vận tải biển Sài Gòn thành Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn. Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Công ty cổ phần số 0300424088, đăng ký lần đầu ngày 14/04/2006 và thay đổi lần thứ 13 vào ngày 22/10/2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 9 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 144.200.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 144.200.000.000 VND; tương đương 14.420.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là: 133 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 124 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; Logistic; Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan); Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác.

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2025 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Saigonship Đà Nẵng	Đà Nẵng	62,20%	62,20%	Cung cấp dịch vụ kho bãi, lưu giữ hàng hóa.
Công ty TNHH Liên doanh Giao nhận Kho vận Bình Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Cung cấp dịch vụ kho bãi, lưu giữ hàng hóa.

Công ty có các công ty liên kết được kế toán theo phương pháp Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2025 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon	Thành phố Hồ Chí Minh	51,00%	50,00%	Dịch vụ vận tải đường biển và đường sông

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

.5 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Tổng giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Lãi mua rẻ (nếu có) sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty sẽ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Thông tin tài chính về những khoản vốn góp liên doanh” và “Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết”.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu kỳ báo cáo, Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các kỳ trước, Công ty thực hiện điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu kỳ báo cáo.
- Đối với phần điều chỉnh do chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán của các kỳ trước, Công ty xác định điều chỉnh vào các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết phát sinh trong kỳ, Công ty thực hiện loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên doanh, liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên doanh, liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên doanh, liên kết kỳ báo cáo. Sau đó Công ty thực hiện điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên doanh, liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.10 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.11 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.12 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.13 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.14 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.15 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 tháng đến 36 tháng.

- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng.

2.16 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.17 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay

2.18 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.19 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí trích trước tạm tính giá vốn bất động sản ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.20 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.21 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.22 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

2.25 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	301.506.049	562.379.126
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	30.278.498.935	22.147.037.406
Các khoản tương đương tiền (*)	4.000.000.000	21.000.000.000
	34.580.004.984	43.709.416.532

(*) Tại ngày 30/06/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng có giá trị 4.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4%/năm đến 4,4%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

Số 9 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	218.371.700.000	-	188.371.700.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	218.371.700.000	-	188.371.700.000	-
	218.371.700.000	-	188.371.700.000	-

Tại ngày 30/06/2025, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,8% đến 5,55%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên doanh, liên kết

	30/06/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác	18.983.934.769		(18.983.934.769)	18.983.934.769		(18.983.934.769)
- Công ty Liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon (*)	18.983.934.769		(18.983.934.769)	18.983.934.769		(18.983.934.769)
	18.983.934.769		(18.983.934.769)	18.983.934.769		(18.983.934.769)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon (*)	TP Hồ Chí Minh	51,00%	50,00%	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa

(*) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 2310/GP ngày 11 tháng 02 năm 2003 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon là 1.224.000 USD, tương đương 51% vốn điều lệ, tỷ lệ biểu quyết 50%. Đơn vị này đang làm thủ tục phá sản và không còn hoạt động tại trụ sở.

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	-	-	560.952	-
Công ty CP Vận tải biển GLS	-	-	560.952	-
<i>Bên khác</i>	14.964.816.418	(743.122.280)	14.066.946.120	(743.122.280)
- CTCP Sữa Việt Nam	2.470.321.324	-	2.252.773.172	-
- Access World Logistics (Singapore) PTE Ltd	1.252.652.947	-	594.387.834	-
Công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam	4.399.663.000	-	4.229.400.000	-
Các khách hàng khác	6.842.179.147	(743.122.280)	6.990.385.114	(743.122.280)
	<u>14.964.816.418</u>	<u>(743.122.280)</u>	<u>14.067.507.072</u>	<u>(743.122.280)</u>

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
Công ty TNHH Maersk Việt Nam	635.207.354	-	-	-
Công ty Luật TNHH Luật Sư Riêng	150.000.000	-	150.000.000	-
Trung tâm Nghiên cứu Kiến trúc	140.000.000	-	140.000.000	-
Trả trước cho người bán khác	787.532.254	(249.996.491)	1.575.152.256	(249.996.491)
	<u>1.712.739.608</u>	<u>(249.996.491)</u>	<u>1.865.152.256</u>	<u>(249.996.491)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

Số 9 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

7 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về cổ phần hóa	14.036.316	-	32.344.554	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	606.517.413	-	557.813.692	-
Tạm ứng	357.077.987	(6.139.708)	215.990.162	(6.139.708)
Ký cược, ký quỹ	78.000.000	-	61.784.080	-
Chi phí hàng hải thu hộ chi hộ	12.761.633.088	-	16.356.673.964	-
Phải thu khác	8.882.719.051	(7.582.890.166)	8.695.866.805	(7.584.392.300)
	22.699.983.855	(7.589.029.874)	25.920.473.257	(7.590.532.008)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	1.312.000.000	-	1.008.000.000	-
	1.312.000.000	-	1.008.000.000	-

8 . NỢ XẤU

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khách hàng	1.118.562.280	375.440.000	1.118.562.280	375.440.000
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Cơ khí – Vận tải Anh Khang	381.400.000	259.020.000	381.400.000	259.020.000
- Công ty TNHH Minh Hiền	189.535.000	-	189.535.000	-
- Các khoản khác	547.627.280	116.420.000	547.627.280	116.420.000
Trả trước cho người bán	249.996.491	-	249.996.491	-
Tạm ứng	6.139.708	-	6.139.708	-
Phải thu khác	8.473.289.662	890.399.496	8.473.289.662	888.897.362
- Công ty Liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon	5.849.054.747	-	5.849.054.747	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Thanh Phước	694.745.034	664.189.188	694.745.034	664.189.188
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Cơ khí – Vận tải Anh Khang	136.640.600	93.501.940	136.640.600	93.501.940
- Các khoản khác	1.792.849.281	132.708.368	1.792.849.281	131.206.234
	9.847.988.141	1.265.839.496	9.847.988.141	1.264.337.362

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒNSố 9 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025**9 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	373.555.037	-	313.006.067	-
Công cụ, dụng cụ	720.899.669	(720.899.669)	720.899.669	(720.899.669)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.240.000	-	24.830.303	-
Hàng hoá	416.355.009	-	350.508.412	-
	1.517.049.715	(720.899.669)	1.409.244.451	(720.899.669)

10 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	30/06/2025	01/01/2025 (điều chỉnh)
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	5.943.265.153	5.943.265.153
- Công trình mở rộng trung tâm kho vận (*)	5.943.265.153	5.943.265.153
	5.943.265.153	5.943.265.153

(*) Bao gồm chi phí xây dựng bãi container 6.480m² và chi phí đền bù, giải tỏa mặt bằng trong Dự án xây dựng bãi container 2.100m² cho Trung tâm Kho vận.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

Số 9 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ (đã điều chỉnh)	38.942.339.499	4.582.981.540	36.936.639.820	745.630.488	2.250.010.945	83.457.602.292
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	139.735.000	139.735.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.462.866.432)	-	(44.309.513)	(1.507.175.945)
- Giảm khác	-	-	-	-	(278.367.231)	(278.367.231)
Số dư cuối kỳ	38.942.339.499	4.582.981.540	35.473.773.388	745.630.488	2.067.069.201	81.811.794.116
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ (đã điều chỉnh)	29.276.029.182	4.473.925.798	24.943.764.904	734.352.174	1.117.970.147	60.546.042.205
- Khấu hao trong kỳ	559.701.012	44.143.616	1.509.301.068	10.098.814	148.494.430	2.271.738.940
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.462.866.432)	-	(44.309.513)	(1.507.175.945)
- Giảm khác	-	-	-	-	(202.604.294)	(202.604.294)
Số dư cuối kỳ	29.835.730.194	4.518.069.414	24.990.199.540	744.450.988	1.019.550.770	61.108.000.906
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	9.666.310.317	109.055.742	11.992.874.916	11.278.314	1.132.040.798	22.911.560.087
Tại ngày cuối kỳ	9.106.609.305	64.912.126	10.483.573.848	1.179.500	1.047.518.431	20.703.793.210

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.113.346.690 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 33.201.040.261 VND.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	50.773.259.334	1.361.372.108	52.134.631.442
Số dư cuối kỳ	<u>50.773.259.334</u>	<u>1.361.372.108</u>	<u>52.134.631.442</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	11.417.935.405	1.340.705.432	12.758.640.837
- Khấu hao trong kỳ	437.558.868	15.499.998	453.058.866
Số dư cuối kỳ	<u>11.855.494.273</u>	<u>1.356.205.430</u>	<u>13.211.699.703</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	39.355.323.929	20.666.676	39.375.990.605
Tại ngày cuối kỳ	<u>38.917.765.061</u>	<u>5.166.678</u>	<u>38.922.931.739</u>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.268.372.108 VND.

13 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà	Giá trị quyền sử dụng đất	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	17.970.151.342	8.992.704.000	26.962.855.342
Số dư cuối kỳ	<u>17.970.151.342</u>	<u>8.992.704.000</u>	<u>26.962.855.342</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	17.970.151.342	5.907.840.958	23.877.992.300
- Khấu hao trong kỳ	-	97.340.988	97.340.988
Số dư cuối kỳ	<u>17.970.151.342</u>	<u>6.005.181.946</u>	<u>23.975.333.288</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	-	3.084.863.042	3.084.863.042
Tại ngày cuối kỳ	-	<u>2.987.522.054</u>	<u>2.987.522.054</u>

Trong đó:

- Trong đó: Nguyên giá bất động sản đầu tư cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê là: 17.970.151.342 VND.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa	-	108.000.153
Công cụ dụng cụ xuất dùng	39.490.422	152.475.296
Chi phí thuê văn phòng	55.000.000	25.000.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	942.823.597	720.142.940
	<u>1.037.314.019</u>	<u>1.005.618.389</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

Số 9 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
b) Dài hạn		
Quyền sử dụng đất	1.360.556.671	1.406.889.061
Công cụ dụng cụ xuất dùng	50.318.401	74.839.039
Chi phí sửa chữa	158.039.135	352.693.944
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.313.196.847	866.940.640
	2.882.111.054	2.701.362.684

15 . LỢI THẺ THƯƠNG MẠI

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Nguyên giá		
- Số dư đầu kỳ	14.505.786.134	14.505.786.134
- Số dư cuối kỳ	14.505.786.134	14.505.786.134
Giá trị hao mòn lũy kế		
- Số dư đầu kỳ	5.802.314.452	4.351.735.839
- Số phân bổ, tổn thất trong kỳ	725.289.306	725.289.308
- Số dư cuối kỳ	6.527.603.758	5.077.025.147
Giá trị còn lại		
- Số dư đầu kỳ	8.703.471.682	10.154.050.295
- Số dư cuối kỳ	7.978.182.376	9.428.760.987

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Công ty TNHH Giao nhận Triệu Vũ	720.736.864	720.736.864	522.492.991	522.492.991
Công ty TNHH Phương Tài Thịnh	667.179.800	667.179.800	619.858.600	619.858.600
Công ty TNHH Vận tải và thương mại Trung Huy Phú	627.668.200	627.668.200	931.221.904	931.221.904
Công ty Cổ phần Greating Fortune Logistics	7.310.564.635	7.310.564.635	3.248.010.651	3.248.010.651
Đối tượng khác	5.200.893.593	5.200.893.593	5.651.634.566	5.651.634.566
	14.527.043.092	14.527.043.092	10.973.218.712	10.973.218.712

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

Số 9 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ (đã điều chỉnh)	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	439.464.219	2.030.226.263	2.047.749.155	-	421.941.327
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.480.744.849	2.784.642.836	2.541.557.852	-	2.723.829.833
Thuế Thu nhập cá nhân	266.136.979	27.958.402	198.016.956	222.523.731	296.393.287	33.707.935
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	101.455	68.574.096	4.189.135.640	290.543.334	101.455	3.967.166.402
Các loại thuế khác	-	406.842.709	6.682.500	6.682.500	-	406.842.709
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	6.499.576	-	12.000.000	12.000.000	6.499.576	-
	272.738.010	3.423.584.275	9.220.704.195	5.121.056.572	302.994.318	7.553.488.206

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	754.589	1.085.096
- Chi phí phải trả khác	932.890.451	207.624.147
	933.645.040	208.709.243

19 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	12.174.603	18.379.598
- Bảo hiểm xã hội	47.785.500	-
- Bảo hiểm y tế	8.419.500	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	3.742.000	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	585.840.755	457.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.604.048.075	3.604.048.075
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.119.644.269	994.952.942
	5.381.654.702	5.074.380.615
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	8.000.000.000	8.000.000.000
	8.000.000.000	8.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

Số 9 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

20 . CÁC KHOẢN VAY NGẮN HẠN

	01/01/2025		Trong kỳ		30/06/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Bản Việt - CN Đà Nẵng (*)	228.000.000	228.000.000	114.000.000	114.000.000	228.000.000	228.000.000
	228.000.000	228.000.000	114.000.000	114.000.000	228.000.000	228.000.000
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Bản Việt - CN Đà Nẵng (*)	574.000.000	574.000.000	-	114.000.000	460.000.000	460.000.000
	574.000.000	574.000.000	-	114.000.000	460.000.000	460.000.000
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(228.000.000)	(228.000.000)			(228.000.000)	(228.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	346.000.000	346.000.000			232.000.000	232.000.000

(*) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Hợp đồng tín dụng số 0052200022300 giữa Ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh Đà Nẵng và công ty ngày 17/08/2025; với các điều khoản chi tiết sau:

- Số tiền vay: 1.125.000.000 VND;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn của hợp đồng: 60 tháng kể từ ngày khách hàng nhận nợ vay lần đầu;
- Lãi suất cho vay: được ghi cụ thể trên giấy nhận nợ;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 460.000.000 VND, trong đó vay dài hạn tới hạn trả là 228.000.000 VND;
- Tài sản đảm bảo: Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp tài sản với bên cho vay vốn số 0052200022400 ngày 17/08/2022.

Số 9 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	144.200.000.000	11.436.551.000	1.202.905.000	124.514.035.585	9.023.212.499	290.376.704.084
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	14.988.218.760	(36.839.296)	14.951.379.464
Số dư cuối kỳ trước	144.200.000.000	11.436.551.000	1.202.905.000	139.502.254.345	8.986.373.203	305.328.083.548
Số dư đầu năm nay (đã điều chỉnh)	144.200.000.000	11.436.551.000	1.202.905.000	151.251.371.016	8.904.480.185	316.995.307.201
Lãi trong kỳ này	-	-	-	8.516.994.550	812.305.800	9.329.300.350
Tăng khác	-	-	-	184.257.817	-	184.257.817
Giảm khác	-	-	-	-	(456.828.580)	(456.828.580)
Số dư cuối kỳ này	144.200.000.000	11.436.551.000	1.202.905.000	159.952.623.383	9.259.957.405	326.052.036.788

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

Số 9 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
TCT Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	51,00%	73.542.000.000	51,00%	73.542.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Tiếp vận Toàn Cầu	37,42%	53.963.540.000	37,42%	53.963.540.000
Các cổ đông khác	11,58%	16.694.460.000	11,58%	16.694.460.000
	100%	144.200.000.000	100%	144.200.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	144.200.000.000	144.200.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	144.200.000.000	144.200.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	144.200.000.000	144.200.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.420.000	14.420.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	14.420.000	14.420.000
- Cổ phiếu phổ thông	14.420.000	14.420.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.420.000	14.420.000
- Cổ phiếu phổ thông	14.420.000	14.420.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

	Diện tích m ²	Trong 1 năm VND	Từ 2 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Số 9 Nguyễn Công Trứ	574	520.426.667	-	-	520.426.667
Linh Xuân, Thủ Đức	6.480,3	2.352.348.900	9.409.395.600	67.434.001.800	79.195.746.300
Linh Xuân, Thủ Đức	39.919	3.635.831.628	14.543.326.512	67.868.857.056	86.048.015.196
		6.508.607.195	23.952.722.112	135.302.858.856	165.764.188.163

b) Ngoại tệ các loại

	30/06/2025	01/01/2025
- Đồng đô la Mỹ (USD)	104.173,02	130.374,06

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒNSố 9 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025**23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ hàng hải	4.412.636.341	2.543.230.169
Doanh thu dịch vụ và giao nhận và vận tải	16.498.049.249	37.171.782.037
Doanh thu dịch vụ kho vận	44.706.920.261	51.090.368.526
Doanh thu cho thuê văn phòng	77.996.880	212.800.000
Doanh thu bán hàng hóa	422.650.000	531.240.741
Doanh thu khác	1.063.771.234	958.018.935
	67.182.023.965	92.507.440.408
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)	4.074.074	317.430.206

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ hàng hải	3.339.444.101	1.852.327.640
Giá vốn dịch vụ và giao nhận và vận tải	17.304.727.414	36.289.404.190
Giá vốn dịch vụ kho vận	29.982.690.819	31.802.762.061
Giá vốn cho thuê văn phòng	402.196.500	133.332.480
Giá vốn bán hàng hóa	247.119.643	498.091.773
Giá vốn khác	992.805.171	959.389.790
	52.268.983.648	71.535.307.934
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)	1.416.667	29.166.666

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	3.532.991.947	4.004.601.473
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	135.471.580	148.725.213
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	2.894.949	1.950.411
	3.671.358.476	4.155.277.097

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	29.920.164	51.353.940
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	66.322.245	-
Chi phí tài chính khác	-	4.744.329
	96.242.409	56.098.269

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒNSố 9 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025**27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	142.068.344	168.093.847
Chi phí nhân công	3.175.398.293	2.912.202.063
Chi phí khấu hao tài sản cố định	197.660.986	158.648.916
Thuế, phí, lệ phí	322.163.203	338.152.801
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(1.502.134)	-
Phân bổ lợi thế thương mại	725.289.306	725.289.308
Chi phí dịch vụ mua ngoài	858.978.304	758.836.309
Chi phí khác bằng tiền	450.078.587	813.960.691
	5.870.134.889	5.875.183.935

28 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	452.925.256	43.893.241
Thu nhập khác	63.156.990	4.249.284
	516.082.246	48.142.525

29 . CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Các khoản bị phạt	5.000.000	-
Chi phí khác	1.003.870.782	113.400.529
	1.008.870.782	113.400.529

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	1.369.881.233	2.813.508.741
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty TNHH Liên doanh Giao nhận Kho vận Bình Minh	863.698.183	1.279.150.256
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty Cổ phần Saigonship Đà Nẵng	551.063.420	75.541.129
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.784.642.836	4.168.200.126

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI BIÊN SÀI GÒNSố 9 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025**31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	8.516.994.550	14.988.218.760
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	8.516.994.550	14.988.218.760
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	14.420.000	14.420.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	591	1.039

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.686.596.489	6.311.165.648
Chi phí nhân công	11.485.734.350	12.443.832.196
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.822.138.794	2.862.752.753
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.843.816.540	45.502.509.467
Chi phí khác bằng tiền	7.309.833.112	10.290.231.805
	57.148.119.285	77.410.491.869

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động về tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIÊN SÀI GÒNSố 9 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 30/06/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.278.498.935	-	-	34.278.498.935
Phải thu khách hàng, phải thu khác	37.664.800.273	1.312.000.000	-	38.976.800.273
Các khoản cho vay	218.371.700.000	-	-	218.371.700.000
	<u><u>290.314.999.208</u></u>	<u><u>1.312.000.000</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>291.626.999.208</u></u>
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	43.147.037.406	-	-	43.147.037.406
Phải thu khách hàng, phải thu khác	39.987.980.329	1.008.000.000	-	40.995.980.329
Các khoản cho vay	188.371.700.000	-	-	188.371.700.000
	<u><u>271.506.717.735</u></u>	<u><u>1.008.000.000</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>272.514.717.735</u></u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒNSố 9 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2025				
Vay và nợ	228.000.000	232.000.000	-	460.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	19.908.697.794	8.000.000.000	-	27.908.697.794
	20.136.697.794	8.232.000.000	-	28.368.697.794
Tại ngày 01/01/2025				
Vay và nợ	228.000.000	346.000.000	-	574.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	16.047.599.327	8.000.000.000	-	24.047.599.327
Chi phí phải trả	208.709.243	-	-	208.709.243
	16.484.308.570	8.346.000.000	-	24.830.308.570

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có giao dịch hoặc số dư với Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	Công ty mẹ
Công ty TNHH Dịch vụ Tiếp vận Toàn Cầu	Cổ đông lớn
Công ty Liên doanh vận tải thủy Sea Saigon	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vận tải biển GLS	Ông Trần Thiện - Chủ tịch HĐQT Công ty là thành viên HĐQT của GLS

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Doanh thu	4.074.074	317.430.206
TCT Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	-	299.701.395
Công ty TNHH Dịch vụ Tiếp vận Toàn Cầu	4.074.074	925.926
Công ty Cổ phần Vận tải biển GLS	-	16.802.885
Mua hàng	1.416.667	29.166.666
Công ty Cổ phần Vận tải biển GLS	1.416.667	29.166.666

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		650.690.000	694.235.000
Ông Trần Thiện	Bổ nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT ngày 05/01/2026; Trước đó ông Trần Thiện là Thành viên HĐQT	-	-
Bà Huỳnh Như Ý	Bổ nhiệm chức danh Phó Chủ tịch HĐQT ngày 05/01/2026; Trước đó bà Huỳnh Như Ý là Thành viên HĐQT	30.000.000	21.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Thiện	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 04/10/2025)	309.420.000	-
Ông Nguyễn Văn Long	Thành viên HĐQT	12.000.000	10.800.000
Ông Phạm Văn Hường	Thành viên HĐQT Miễn nhiệm chức danh Tổng giám đốc ngày 01/07/2024	18.000.000	438.810.000
Bà Lê Thị Thanh Thuận	Bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc ngày 04/10/2025; Trước đó Bà Lê Thị Thanh Thuận giữ chức Phó Tổng Giám đốc.	281.270.000	223.625.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng năm 2024 được điều chỉnh cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIÊN SÀI GÒNSố 9 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025


	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm trước</u> VND	<u>Số liệu điều chỉnh lại</u> VND	<u>Chênh lệch</u> VND
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất				
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình	222	86.813.043.383	83.457.602.292	(3.355.441.091)
Giá trị hao mòn lũy kế tài sản cố định hữu hình	223	(61.217.130.409)	(60.546.042.205)	671.088.204
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	2.587.824.062	5.943.265.153	3.355.441.091
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	2.989.920.778	3.423.584.275	433.663.497
Phải trả người lao động	314	5.342.082.772	3.173.765.291	(2.168.317.481)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	148.845.628.828	151.251.371.016	2.405.742.188


Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ trước</u> VND	<u>Số liệu điều chỉnh lại</u> VND	<u>Chênh lệch</u> VND
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	71.647.155.968	71.535.307.934	(111.848.034)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	19.019.021.329	19.130.869.363	111.848.034
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	14.839.531.430	14.951.379.464	111.848.034
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61	14.876.370.726	14.988.218.760	111.848.034

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ trước</u> VND	<u>Số liệu điều chỉnh lại</u> VND	<u>Chênh lệch</u> VND
Lợi nhuận trước thuế	01	19.019.021.329	19.130.869.363	111.848.034
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	2.974.600.787	2.862.752.753	(111.848.034)


 Võ Thiện Hùng
Người lập


 Nguyễn Thị Thúy Loan
Phụ trách kế toán


 Lê Thị Thanh Thuận
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 04 năm 2026